

TRƯỜNG MN BÌNH MINH

DỰ TÍNH THỰC ĐƠN CỦA TRẺ TỪ NGÀY 12/05-16/04/2025

Dự tính đi chợ: Tổng số cháu: 175 x 24000 = 4.200.000

Tiền thực phẩm tươi: 20.000 đồng/trẻ

Tiền gia vị + gạo: 4000 đồng/trẻ

STT	Thứ/Ngày	Tên Thực phẩm	Khối Lượng (Kg/Bó/quả)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thứ 2/12/05 (Trứng thịt; Canh rau mồng tơi nấu thịt nạc; phở bò Uống sữa nóng xê)	Thịt nạc dằm	5	135.000	675.000	
2		Thịt nạc đặc	2	145.000	290.000	
3		Trứng vịt	14	60.000	840.000	
4		Rau mồng tơi	8	30.000	240.000	
5		Phở heo	8	25.000	200.000	
6		Thịt bò	3	270.000	810.000	
7		Mỡ heo	1	80.000	80.000	
8		Sữa nuti	3	263.000	789.000	
1	Thứ 3/13/05(thịt dằm kho đậu khuôn, canh rau dền nấu tôm, bánh canh thịt chả, kemplan tráng miệng)	Thịt nạc dằm	8	135.000	1.080.000	
2		Đậu khuôn	7	35.000	245.000	
3		Tôm tươi	2	250.000	500.000	
4		Rau dền	7	30.000	210.000	
5		Bánh canh	7	30.000	210.000	
6		Chả	1	160.000	160.000	
7		Mỡ heo	1	80.000	80.000	
8		Thịt nạc đặc	3	145.000	435.000	
9		Kem plan	4,5	150.000	675.000	
1	Thứ 4/14/05 (Cá cam kho thơm; Canh bí đỏ nấu thịt nạc; Bún riêu; Quýt đường tráng miệng)	Thịt nạc	5	145.000	725.000	
2		Cá cam	17	75.000	1.275.000	
3		Thơm	6	20.000	120.000	
4		Bún	14	17.000	238.000	
5		Trứng vịt	6	55.000	330.000	
6		Mỡ heo	1	80.000	80.000	
7		Bí đỏ	15	28.000	420.000	
8		Quýt đường	17	40.000	680.000	
1	Thứ 5/15/05 (Thịt gà kho xả; Canh rau cải nấu thịt bò; Cháo tôm cà rốt,)	Thịt bò	1,5	270.000	405.000	
2		Thịt gà	16	130.000	2.080.000	
3		Mỡ heo	1	100.000	100.000	
4		Rau cải	8	30.000	240.000	
5		Cà rốt	3	30.000	90.000	
6		Sả	2	20.000	40.000	
7		Tôm	2	250.000	500.000	
1	Thứ 6/16/05 (Thịt heo kho trứng cút; Canh bí xanh nấu thịt nạc; Mì quảng thịt bò; Sữa chua tráng miệng)	Thịt bò	3	270.000	810.000	
2		Thịt dằm	5	135.000	675.000	
3		Mì quảng	15	17.000	255.000	
4		Thịt nạc	1,5	145.000	217.500	
5		Trứng cút	7	60.000	420.000	
6		Bí xanh	14	30.000	420.000	
7		Sữa chua	15	50.000	750.000	
Tổng					18.389.500	

DỰ TÍNH GIA VỊ, GẠO 1 TUẦN (5 ngày)
Tiền gia vị + gạo 4000đồng/ ngày

STT	Tên thực phẩm	Khối Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		(Kg/chai/can/bì)			
1	Hành Lá	2,5	45.000	112.500	Kg
2	Hành củ	2,5	40.000	100.000	Kg
3	Nước mắm	5	20.000	100.000	Lít
4	Muối	10	4.500	45.000	Bì
5	Đường	5	30.000	150.000	Kg
6	Hạt nêm knor	5	75.000	375.000	Bì
7	Dầu hào	1	70.000	70.000	chai
8	Hạt điều	0,2	250.000	50.000	kg
9	Dầu mezan	10	45.000	450.000	Lít
10	Gạo tẻ máy	120	18.000	2.160.000	Kg
Tổng				3.612.500	

ĐăkTô, ngày 09 tháng 05 năm 2025

Người lập


Mai Thị Hà

TRƯỜNG MN BÌNH MINH

DỰ TÍNH THỰC ĐƠN CỦA TRẺ TỪ NGÀY 05/05-09/05/2025

Dự tính đi chợ: Tổng số cháu: 175 x 24000 = 4.200.000

Tiền thực phẩm tươi: 20,000 đồng/trẻ

Tiền gia vị + gạo: 4000 đồng/trẻ

STT	Thứ/Ngày	Tên Thực phẩm	Khối Lượng (Kg/Bó/quả)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thứ 2/5/05 (Trứng thịt; Canh rau cải nấu thịt nạc; nui vàng nấu xương thịt, trắng miệng thanh long)	Thịt nạc dăm	7	135.000	945.000	
2		Thịt nạc đặc	1,5	140.000	210.000	
3		Trứng vịt	16	55.000	880.000	
4		rau cải	10	25.000	250.000	
5		Nui vàng	6	45.000	270.000	
6		Xương heo	1	100.000	100.000	
7		Thanh long	16	40.000	640.000	
1	Thứ 3/6/05(thịt viên sốt cà chua, canh cải thảo nấu thịt nạc mỡ quăng gà , kemplan trắng miệng)	Thịt nạc dăm	9	135.000	1.215.000	
2		Thịt gà	5	130.000	650.000	
3		Thịt nạc	1,5	145.000	217.500	
4		Cà chua	4	30.000	120.000	
5		Củ đậu	5	30.000	150.000	
6		Cải thảo	8	35.000	280.000	
7		Bột năng	2	60.000	120.000	
8		Mỳ quảng	15	17.000	255.000	
9		Tương cà	2	30.000	60.000	
10		Kem plan	4,5	150.000	675.000	
1	Thứ 4/7/05 (Cá thác lác sốt cà chua; Canh,bí đỏ nấu thịt nạc; bánh canh Chả xương; chuối lùn trắng miệng)	Xương heo	1	100.000	100.000	
2		Cá thác lác	4	250.000	1.000.000	
3		Thịt nạc dăm	5	135.000	675.000	
4		Cà chua	4	30.000	120.000	
5		Bánh canh	8	30.000	240.000	
6		Bí đỏ	15	28.000	420.000	
8		Chả heo	2	170.000	340.000	
9		Chuối lùn	175	3.000	525.000	
1	Thứ 5/8/05 (Sườn non kho xả; Canh rau mồng tơi nấu thịt nạc dăm; Phở bò ,	Thịt heo nạc	1,5	145.000	217.500	
2		Sườn non	15	165.000	2.475.000	
3		Rau mồng tơi	10	30.000	300.000	
5		Phở heo	7	25.000	175.000	
6		thịt bò	2,5	270.000	675.000	
7		Xả	1	20.000	20.000	
1		Thứ 6/9/05 (Thịt bò kho cà rốt; Canh bí xanh nấu thịt nạc; Cháo thịt nạc cà rốt;	Thịt bò	6	270.000	1.620.000
3	Cà rốt		12	30.000	360.000	
4	Thịt nạc đặc		1,5	145.000	420.000	
5	Bí xanh		14	30.000	420.000	
Tổng					17.140.000	

DỰ TÍNH GIA VỊ, GẠO 1 TUẦN (5 ngày)
Tiền gia vị + gạo 4000đồng/ ngày

STT	Tên thực phẩm	Khối Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		(Kg/chai/can/bì)			
1	Hành Lá	2,5	45.000	112.500	Kg
2	Hành củ	2,5	40.000	100.000	Kg
3	Nước mắm	5	20.000	100.000	Lít
4	Muối	10	4.500	45.000	Bì
5	Đường	5	30.000	150.000	Kg
6	Hạt nêm knor	5	75.000	375.000	Bì
7	Dầu hào	1	70.000	70.000	chai
8	Mỡ lợn	5	80.000	400.000	kg
9	Hạt điều	0,2	250.000	50.000	kg
10	Dầu mezan	10	45.000	450.000	Lit
11	Gạo tẻ máy	120	18.000	2.160.000	Kg
Tổng				4.012.500	

Đăk Tô, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Người lập



Mai Thị Hà



DỰ TÍNH THỰC ĐƠN CỦA TRẺ TỪ NGÀY 19 /05-23/05/2025

Dự tính đi chợ: Tổng số cháu: 185 x 24000 = 4.200.000

Tiền thực phẩm tươi: 20,000đồng/trẻ

Tiền gia vị + gạo: 4000 đồng/trẻ

Tiền gia vị+gạo: 4000 đồng/trẻ						
STT	Thứ/Ngày	Tên Thực phẩm	Khối Lượng (Kg/Bó/quả)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thứ 2/19/04 (Trứng thịt; Canh rau ngót nấu thịt nạc; phở bò Uống sữa nóng xế)	Thịt nạc dăm	5	135,000	675,000	
2		Thịt nạc đặc	1.5	145,000	217,500	
3		Trứng vịt	14	55,000	770,000	
4		Rau ngót	6	30,000	180,000	
5		Phở heo	8	25,000	200,000	
6		Mỡ heo	1	80,000	80,000	
7		Thịt bò	3	270,000	810,000	
8		Sữa nutifood	3	263,000	789,000	
1	Thứ 3/20/05(thịt dăm kho đậu khuôn, canh rau cải nấu thịt nạc, mỳ quảng gà ,Sữa bí đỏ tráng miệng)	Thịt nạc dăm	5	135,000	675,000	
2		Đậu khuôn	7	35,000	245,000	
3		Thịt nạc	1.5	145,000	217,500	
4		Cà chua	3	30,000	90,000	
5		Rau cải	8	30,000	240,000	
6		Gà ta	6	130,000	780,000	
7		Mỳ quảng	15	17,000	255,000	
8		Vai ni ống	2	30,000	60,000	
9		Sữa đặc	3	60,000	180,000	
10		Sữa tươi	3	45,000	135,000	
11		Bí đỏ	5	28,000	140,000	
1	Thứ 4/21/05 (Cá cam kho cà chua; Canh bí đỏ nấu thịt nạc; bánh canh Thịt chả; Sữa Bắp tráng miệng)	Chả	2	160,000	320,000	
2		Cá cam	20	75,000	1,500,000	
3		Thịt nạc	3	145,000	435,000	
4		Cà chua	4	30,000	120,000	
		Sữa đặc	3	60,000	180,000	
		sữa tươi	2	45,000	90,000	
5		Bánh canh	8	30,000	240,000	
6		Mỡ heo	1	80,000	80,000	
7		Bí đỏ	15	28,000	420,000	
8	Bắp mỳ	5	45,000	225,000		
1	Thứ 5/22/05 (Sườn heo rim cà chua; Canh bầu nấu thịt nạc ; Cháo thịt bò đậu xanh , Quýt đường tráng miệng)	Thịt bò	1.5	270,000	405,000	
2		Mỡ heo	1	80,000	80,000	
3		Sườn heo	15	165,000	2,475,000	
4		Cà chua	3	30,000	90,000	
5		Bầu	12	25,000	300,000	
6		Thịt nạc đặc	1.5	145,000	217,500	
7		đậu xanh	1.5	40,000	60,000	
8		quýt đường	17	40,000	680,000	
1	Thứ 6/23/05 (Thịt heo kho khoai tây; Canh bí xanh nấu thịt nạc ; , Nui thịt xương tráng miệng kem plan)	Thịt heo nạc	10	145,000	1,450,000	
2		Khoai tây	9	30,000	270,000	
3		Nui	6	40,000	240,000	
4		Bí Xanh	15	25,000	375,000	
5		Thịt nạc dăm	2	135,000	270,000	
6		Xương heo	1	80,000	80,000	
7		Kemplan	5.5	150,000	825,000	
Tổng					18,166,500	

DỰ TÍNH GIA VỊ, GẠO 1 TUẦN (5 ngày)
Tiền gia vị + gạo 4000đồng/ ngày

STT	Tên thực phẩm	Khối Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		(Kg/chai/can/bì)			
1	Hành Lá	2.5	45,000	112,500	Kg
2	Hành củ	2.5	40,000	100,000	Kg
3	Nước mắm	4	20,000	80,000	Lít
4	Muối	10	4,500	45,000	Bì
5	Đường	5	30,000	150,000	Kg
6	Hạt nêm knor	5	75,000	375,000	Bì
9	Sốt sườn	3	12,000	36,000	gói
11	Hạt điều	0.2	250,000	50,000	kg
12	Dầu mezan	10	45,000	450,000	Lit
13	Gạo tẻ máy	120	18,000	2,160,000	Kg
Tổng				3,558,500	

Người nhận.

Li Thi Hồng

ĐãkTô, ngày 16 tháng 05 năm 2025

Người lập


Mai Chi Hà